



xiǎo niú

小牛

noun · calf; young cow

Example Sentences

Xiǎo niú zài cǎo dì shàng chī cǎo

小牛在草地上吃草。

The calf is eating grass on the meadow.

Nóng chǎng lǐ xīn chū shēng le yī zhī xiǎo niú

农场里新出生了一只小牛。

A new calf was born on the farm.

xiǎo niú gēn zài mǔ niú hòu miàn màn màn xué huì le zǒu lù

小牛跟在母牛后面，慢慢学会了走路。

The calf followed behind the cow and slowly learned to walk.

Trace each character, then write the word on your own.

小小小小小小

牛牛牛牛牛牛牛